

# Thạc sĩ Kinh tế nông nghiệp - Mã số: 60620115

Khoa/viện đào tạo: Kinh tế

Phụ trách chương trình: TS. Đỗ Thanh Vinh

## 1. Mục tiêu chung

Đào tạo ra những cán bộ quản lý có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, có trình độ cao đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khoa học – công nghệ của đất nước. Trang bị cho học viên kiến thức chuyên môn vững vàng, có năng lực thực hành và khả năng thích ứng cao trước sự phát triển của khoa học kỹ thuật và kinh tế, có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo

## 2. Mục tiêu cụ thể

### a. Kiến thức

- a1. Đổi mới và nâng cao các kiến thức về khoa học cơ bản và chuyên ngành.
- a2. Đổi mới và nâng cao trình độ chuyên môn cả về lý thuyết và lẫn ứng dụng thực tiễn phù hợp với sự phát triển khoa học kỹ thuật của thế giới và của ngành Kinh tế Nông nghiệp.

### b. Kỹ năng

- b1. Có khả năng độc lập nghiên cứu, ứng dụng kiến thức mới vào thực tế hoạt động quản lý và sản xuất kinh doanh thuộc ngành Kinh tế Nông nghiệp.
- b2. Có khả năng phân tích, tổng hợp, nhận xét độc lập về các vấn đề kinh tế nói chung và kinh tế nông nghiệp nói riêng.

### c. Năng lực

- c1. Nắm vững và có khả năng nghiên cứu khoa học và giảng dạy đại học.
- c2. Có khả năng làm việc tốt tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, sản xuất và quản lý có liên quan đến ngành Kinh tế nông nghiệp, hoặc có thể tiếp tục làm nghiên cứu sinh.
- c3. Sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin phục vụ chuyên môn.

## 3. Đối tượng tuyển sinh

### a. Điều kiện về văn bằng và thâm niên công tác chuyên môn

TT	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Loại tốt nghiệp	Bổ sung kiến thức	Thâm niên công tác
1.	<b>Ngành đúng</b>	Chính quy, Vừa học vừa làm (tại chức)	Trung bình	không	0
	(1) Kinh tế Nông nghiệp (2) Kinh tế và quản lý thủy sản (3) Quản lý tài nguyên rừng				
2.	<b>Ngành phù hợp</b>	Chính quy, Vừa học vừa làm (tại chức)	Trung bình	Có	0
	(1) Kinh doanh Thương mại (2) Kế toán doanh nghiệp (3) Tài chính doanh nghiệp (4) Quản trị kinh doanh (5) Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành (6) Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng & dịch vụ ăn uống (7) Một số chuyên ngành cụ thể khác thuộc Kinh tế và QTKD				
3.	<b>Ngành gần</b>	Chính quy	Trung	Có	2

(1) Kỹ thuật Khai thác thủy sản (2) Nuôi trồng Thủy sản (3) Công nghệ chế biến thủy sản (4) Một số chuyên ngành cụ thể thuộc lĩnh vực Nông nghiệp			bình		
--	--	--	------	--	--

#### b. Danh mục học phần bổ sung kiến thức

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1.	44008	Kinh tế vi mô	2(2-0)
2.	44009	Kinh tế vĩ mô	2(2-0)
3.	81183	Kinh tế lượng	2(2-0)
4.	-	Kinh tế Nông nghiệp	2(2-0)

#### 4. Cấu trúc chương trình

TT	Nội dung	Số học phần	Số tín chỉ
1.	Phần kiến thức chung	2	5
2.	Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành - Các học phần bắt buộc - Các học phần tự chọn	13 6 7	26 12 14
3.	Luận văn thạc sĩ	-	15
	<b>Tổng</b>	<b>15</b>	<b>46</b>

#### 5. Nội dung chương trình

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giảng viên
<b>1. Phần kiến thức chung</b>		<b>5</b>	
POS501	Triết học / <i>Philosophy</i>	3(3-0)	TS. Nguyễn Trọng Thóc ThS. Nguyễn Tiến Hóa
GS501	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học / <i>Research Methodology</i>	2(2-0)	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh TS. Quách Thị Khánh Ngọc TS. Lê Kim Long
<b>2. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>		<b>26</b>	
<b>2.1. Các học phần bắt buộc</b>		<b>12</b>	
EC501	Kinh tế vi mô / <i>Microeconomics</i>	2(2-0)	TS. Lê Kim Long TS. Phạm Hồng Mạnh NCS. Nguyễn Thu Thủy
EC502	Kinh tế vĩ mô / <i>Macroeconomics</i>	2(2-0)	TS. Nguyễn Thị Trâm Anh TS. Hồ Huy Trụ NCS. Lê Văn Thập
EC503	Kinh tế lượng / <i>Econometrics</i>	2(2-0)	TS. Lê Kim Long PGS.TS. Mai Văn Nam TS. Phạm Thành Thái
EC504	Kinh tế môi trường / <i>Environmental Economics</i>	2(2-0)	TS. Phạm Hồng Mạnh TS. Bùi Dũng Thế
AEC501	Kinh tế nông nghiệp / <i>Agricultural Economics</i>	2(2-0)	TS. Thái Anh Hòa PGS.TS. Mai Văn Nam TS. Lê Kim Long
ECS501	Phương pháp nghiên cứu kinh tế / <i>Economic Research Methodology</i>	2(2-0)	TS. Nguyễn Văn Ngọc TS. Phạm Thành Thái

<b>2.2. Các học phần tự chọn (7 trong 21 học phần)</b>		<b>14</b>	
<b>2.2.1. Chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp</b>			
AEC502	Quản trị trang trại / <i>Farm Management</i>	2(2-0)	TS. Phạm Xuân Thủy PGS.TS. Mai Văn Nam
AEC503	Phát triển nông thôn / <i>Rural Development</i>	2(2-0)	PGS.TS. Bùi Văn Trinh TS. Nguyễn Tiến Thông
AEC504	Marketing nông nghiệp / <i>Agricultural Marketing</i>	2(2-0)	TS. Từ Văn Bình TS. Hồ Huy Tựu TS. Phạm Thành Thái
AEC505	Phân tích chính sách nông nghiệp / <i>Agricultural Policy Analysis</i>	2(2-0)	PGS.TS. Bùi Văn Trinh TS. Thái Anh Hòa
AEC506	Quản trị chuỗi cung ứng sản phẩm nông nghiệp / <i>Supply Chain Management of Agricultural Products</i>	2(2-0)	TS. Nguyễn Thị Trâm Anh PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh
AEC507	Quản trị chất lượng sản phẩm sau thu hoạch / <i>Supply Chain Management of Agricultural Products</i>	2(2-0)	TS. Đỗ Văn Ninh TS. Nguyễn Thuần Anh
AEC508	Thương mại nông nghiệp / <i>Agricultural Trade</i>	2(2-0)	TS. Nguyễn Thị Trâm Anh NCS. Võ Văn Diễn
<b>2.2.2. Chuyên ngành Kinh tế thủy sản</b>			
EC511	Kinh tế học nghề cá / <i>Fisheries Economics</i>	2(2-0)	TS. Lê Kim Long TS. Phạm Thị Thanh Thủy
EC512	Quản lý thủy sản / <i>Fishery Management</i>	2(2-0)	PGS.TS. Hà Xuân Thông TS. Quách Thị Khánh Ngọc
EC513	Nghiên cứu Marketing thủy sản / <i>Marketing Research</i>	2(2-0)	TS. Hồ Huy Tựu TS. Nguyễn Văn Ngọc TS. Nguyễn Tiến Thông
EC514	Quản lý tổng hợp vùng bờ / <i>Integrated Coastal Zone Management</i>	2(2-0)	TS. Lê Anh Tuấn TS. Phạm Thị Thanh Thủy
EC515	Quy hoạch phát triển nghề cá / <i>Planning for Aquaculture and Fisheries Development</i>	2(2-0)	PGS.TS. Hà Xuân Thông
EC518	Thương mại thủy sản / <i>Seafood Trade</i>	2(2-0)	TS. Nguyễn Tiến Thông TS. Phạm Thị Thanh Thủy
FIE501	Kinh tế và quản lý nuôi trồng thủy sản / <i>Aquaculture Management and Economics</i>	2(2-0)	TS. Phạm Xuân Thủy TS. Nguyễn Văn Ngọc
<b>2.2.3. Chuyên ngành Kinh tế phát triển</b>			
ECS502	Kinh tế phát triển / <i>Development Economics</i>	2(2-0)	TS. Phạm Hồng Mạnh TS. Nguyễn Văn Ngãi
EC541	Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực / <i>Human Resource Economics and Management</i>	2(2-0)	TS. Đỗ Thị Thanh Vinh TS. Phạm Thị Thanh Thủy
EC521	Kinh tế quốc tế / <i>International Economics</i>	2(2-0)	TS. Nguyễn Thị Trâm Anh GS.TS. Hoàng Thị Chính
AF512	Phân tích và đánh giá dự án / <i>Analysis and Approved Investment Project</i>	2(2-0)	TS. Nguyễn Thị Hiền PGS.TS. Nguyễn Trường Sơn
ECS503	Phân tích lợi ích chi phí / <i>Cost - Benefit Analysis</i>	2(2-0)	TS. Phạm Hồng Mạnh PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh
ECS504	Kinh tế công cộng / <i>Public Economics</i>	2(2-0)	TS. Phạm Hồng Mạnh

			TS. Lê Kim Long
FIB501	Tài chính phát triển / <i>Development Finance</i>	2(2-0)	TS. Võ Thành Danh NCS. Nguyễn Thành Cường
<b>3. Luận văn thạc sĩ</b>		<b>15</b>	
AEC600	Luận văn thạc sĩ	15	Người hướng dẫn

## 6. Mô tả các học phần

### **POS501**      **Triết học**      **3(3-0)**

Học phần khái quát về: Triết học là gì? Triết học phương Đông và triết học phương Tây; Sự ra đời của triết học Mác-Lênin; Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật; Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chủ nghĩa duy vật lịch sử; Triết học Mác-Lênin trong giai đoạn hiện nay; Mối quan hệ giữa khoa học với triết học; Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học; Ý thức khoa học; Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội; Khoa học công nghệ ở Việt Nam.

### **GS501**      **Phương pháp luận nghiên cứu khoa học**      **2(2-0)**

Học phần cung cấp kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, từ việc lựa chọn và đặt tên đề tài, lập kế hoạch nghiên cứu, phân tích và đánh giá kết quả nghiên cứu, quy hoạch thực nghiệm, tổ chức thực hiện cho đến cách viết, trình bày luận văn khoa học.

### **EC501**      **Kinh tế vi mô**      **2(2-0)**

Là học phần cơ sở đối với ngành Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức về: (i) các khái niệm và công cụ trong phân tích kinh tế vi mô; (ii) các mô hình ra quyết định của các tác nhân trong nền kinh tế thị trường như người tiêu dùng, nhà sản xuất và sự điều tiết của Nhà nước; (iii) Ngoại tác và sự can thiệp của chính phủ để khắc phục thất bại của thị trường, (iv) ứng dụng lý thuyết trò chơi vào chiến lược cạnh tranh.

### **EC502**      **Kinh tế vĩ mô**      **2(2-0)**

Học phần cung cấp cho người học kiến thức nâng cao về kinh tế vĩ mô trên bình diện tổng thể như: tăng trưởng kinh tế, lạm phát, thất nghiệp, thâm hụt ngân sách, thâm hụt tài khoản vãng lai, sự dao động trong lãi suất, tỷ giá hối đoái, chính sách cho sự ổn định và tăng trưởng kinh tế.

### **EC503**      **Kinh tế lượng**      **(2-0)**

Học phần cung cấp cho người học cách thức mà các nhà kinh tế và quản trị sử dụng các mô hình, dữ liệu và phương pháp phân tích để mô tả thế giới thực và đóng góp cho những thảo luận, gợi ý về chính sách trong thực tiễn sản xuất kinh doanh. Các kỹ thuật kinh tế lượng cho phép chúng ta kiểm định gợi ý của lý thuyết kinh tế và quản trị bằng các dữ liệu thực tiễn.

### **EC504**      **Kinh tế môi trường**      **2(2-0)**

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về kinh tế và môi trường, việc vận dụng các nguyên lý của kinh tế học để giải quyết các vấn đề về môi trường và tài nguyên, nhằm giúp học viên hình thành năng lực và tư duy phân tích cho các chính sách phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường hiện nay.

### **AEC501**      **Kinh tế nông nghiệp**      **2(2-0)**

Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết về tầm quan trọng của kinh tế nông nghiệp; quy luật cung cầu sản phẩm nông nghiệp; và khả năng vận dụng một số hàm sản xuất vào thực tế để đánh giá hiệu quả sản xuất nông nghiệp; vận dụng kiến thức vào việc phân tích mức độ cạnh tranh thị trường nông nghiệp.

### **ECS501**      **Phương pháp nghiên cứu kinh tế**      **2(2-0)**

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức nâng cao về phương pháp nghiên cứu trong kinh tế. Nội dung chính của học phần bao gồm: Tổng quan về phương pháp nghiên cứu khoa học; Hình thành đề tài và thiết kế nghiên cứu; Cách thức chọn mẫu và phương pháp thu thập số liệu; Phương pháp xử lý dữ liệu; Trích dẫn và tài liệu tham khảo trong nghiên cứu khoa học; Viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.

## Chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp

### **AEC502      Quản trị trang trại      2(2-0)**

Học phần cung cấp những lý luận về các vấn đề kinh tế - kỹ thuật- xã hội chủ yếu trong việc phát triển các trang trại. Học phần cũng cung cấp cho người học phương pháp để tổ chức, quản lý và sử dụng đất đai, lao động, cơ sở vật chất kỹ thuật, vốn... trong trang trại, kiến thức tổ chức quản lý các mô hình kinh doanh tổng hợp, quản lý các mô hình canh tác nông nghiệp như: quảng canh, quảng canh cải tiến, bán thâm canh, thâm canh và siêu thâm canh, mối quan hệ giữa hiệu quả kinh tế, hiệu quả kỹ thuật và hiệu quả sinh thái trong các mô hình kinh tế trang trại VAC-VACR, ... Ngoài ra học phần còn nghiên cứu sự vận dụng các vấn đề này trong chính sách phát triển trang trại ở Việt Nam.

### **AEC503      Phát triển nông thôn      2(2-0)**

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức nâng cao liên quan đến 2 nội dung: 1) Phát triển nông thôn toàn diện: Các lý thuyết phát triển nông nghiệp và nông thôn chủ yếu và sự tiến triển của các lý thuyết này qua từng giai đoạn khác nhau và theo các quan điểm phát triển khác nhau; 2) Con đường phát triển nông thôn Việt Nam, nhìn từ kinh nghiệm các nước: Kinh nghiệm phát triển nông thôn của một số quốc gia có điều kiện hoàn cảnh gần như Việt Nam như Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc và kinh nghiệm của châu Âu; Giải pháp phát triển nông thôn của nước ta hiện nay và các vấn đề tồn tại ở khu vực nông nghiệp nông thôn cần phải được giải quyết trong thời kỳ hội nhập.

### **AEC504      Marketing nông nghiệp      2(2-0)**

Học phần giúp người học nhận thức được vai trò quan trọng của Marketing Nông nghiệp; Áp dụng các mô hình cung cầu để đánh giá ngành hàng trong vùng nông nghiệp; Cách phân tích sự biến động giá trong ngành nông nghiệp; Vẽ lên được chuỗi giá trị sản phẩm của ngành hàng nông nghiệp; Cách thức phát triển và kiểm soát hiệu quả Marketing nông nghiệp.

### **AEC505      Phân tích chính sách nông nghiệp      2(2-0)**

Học phần cung cấp cho người học tầm quan trọng chính sách Nông nghiệp và sự can thiệp của chính phủ; Nắm bắt được nội dung các loại chính sách và phạm vi ảnh hưởng; Vận dụng một số công cụ phân tích chính sách Nông nghiệp và tác động của chính sách.

### **AEC506      Quản trị chuỗi cung ứng sản phẩm nông nghiệp      2(2-0)**

Học phần cung cấp cho người học: hoạt động điều hành chuỗi cung ứng sản phẩm nông nghiệp, công nghệ thông tin và chuỗi cung ứng sản phẩm nông nghiệp, đo lường hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng và các kỹ thuật xây dựng hệ thống quản trị chuỗi cung ứng sản phẩm nông nghiệp.

### **AEC507      Quản trị chất lượng sản phẩm sau thu hoạch      2(2-0)**

Học phần này trang bị cho học viên kiến thức về quản trị chất lượng sản phẩm sau thu hoạch. Học phần cũng cung cấp cho học viên các kiến thức về một số chương trình đảm bảo chất lượng và thẩm định chất lượng. Đồng thời học viên được cung cấp các kiến thức liên quan đến các hợp phần của phân tích rủi ro.

### **AEC508      Thương mại nông nghiệp      2(2-0)**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lý thuyết thương mại nông nghiệp, chính sách thương mại nông nghiệp, các quy định và khả năng hợp tác quốc tế trong thương mại nông nghiệp. Học phần còn đề cập đến đặc điểm của nghề nông nghiệp, và các nhân tố môi trường có ảnh hưởng như thế nào đến thương mại nông nghiệp toàn cầu.

## Chuyên ngành Kinh tế thủy sản

### **EC511      Kinh tế học nghề cá      2(2-0)**

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về các lý thuyết và mô hình kinh tế sinh học ứng dụng vào hoạt động đánh bắt thủy sản. Từ đó, cho phép giải thích các động cơ, hành vi của các chủ thể trực tiếp và gián tiếp tham gia vào hoạt động đánh bắt thủy sản ở góc độ từng cá nhân (người đánh bắt, con tàu) cũng như toàn bộ nghề cá. Học phần cũng đề cập đến các khía cạnh chuẩn tắc trong việc đưa ra các gợi ý chỉ dẫn, quản lý nguồn lợi thủy sản, điều chỉnh, kiểm soát hoạt động đánh bắt thủy sản.

### **EC512      Quản lý thủy sản      2(2-0)**

Học phần trình bày những vấn đề về tổ chức và quản lý ngành thủy sản ở tầm vĩ mô, bao gồm:

quá trình quản lý thủy sản theo hướng phát triển bền vững và dựa trên tinh thần của Bộ qui tắc ứng xử nghề cá có trách nhiệm của FAO, 1995; các mô hình quản lý nghề cá đơn loài và đa loài (mô hình Đồng quản lý, Quản lý trên cơ sở cộng đồng, Quản lý thích ứng...); vấn đề chuyển dịch và cơ cấu ngành theo hướng công nghiệp hoá hiện đại hoá; xây và phát triển cơ sở nguyên liệu thủy sản; tiến bộ KHCN và hiện đại hoá ngành thủy sản. Học phần cũng đề cập đến các vấn đề kinh tế, và quản lý chủ yếu trong các ngành chuyên môn hóa: Khai thác, Chế biến và Nuôi trồng Thủy sản.

**EC513                      Nghiên cứu Marketing thủy sản                      2(2-0)**

Học phần cung cấp cho người học kiến thức nâng cao về phương pháp phân tích khách hàng, vị trí địa lý và nhu cầu của khách hàng; Nhận diện và xác định các cơ hội marketing; Giám sát môi trường kinh doanh (thị trường, đối thủ cạnh tranh hay ngành); Đánh giá xem quá trình marketing có đáp ứng được nhu cầu của khách hàng; Đánh giá các hoạt động của bộ phận có liên quan đến quá trình marketing; Dự báo doanh số... các vấn đề trên được vận dụng cụ thể cho ngành Thủy sản.

**EC514                      Quản lý tổng hợp vùng bờ                      2(2-0)**

Nội dung chính của học phần cung cấp cho học viên các kiến thức đại cương về quản lý tổng hợp vùng bờ, hiểu về các hệ thống ven bờ, trình tự quản lý tổng hợp vùng bờ. Các phương pháp, công cụ và kỹ thuật dùng trong quản lý tổng hợp vùng bờ là những nội dung quan trọng khác mà học phần này đề cập đến.

**EC515                      Quy hoạch phát triển nghề cá                      2(2-0)**

Học phần Quy hoạch phát triển nghề cá bao gồm các học phần kiến thức cụ thể và khoa học về các vấn đề trong công tác quy hoạch và phát triển nghề cá hay ngành thủy sản nói chung; các công cụ cho quy hoạch (công cụ điều tra kinh tế xã hội, công cụ kỹ thuật đồ bản, đánh giá môi trường, công nghệ kỹ thuật viễn thám, GIS,...) sử dụng trong quy hoạch ngành và quản lý tài nguyên, kèm theo các tiêu chí, điều kiện cho quy hoạch và các chiến lược phát triển ngành thủy sản trên cơ sở nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên nhằm góp phần phát triển bền vững ngành thủy sản.

**EC518                      Thương mại thủy sản                      2(2-0)**

Học phần Thương mại thủy sản cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về xu hướng phát triển của ngành thủy sản, lý thuyết thương mại thủy sản, chính sách - quy định và khả năng hợp tác quốc tế trong thương mại thủy sản, bao gồm cả vấn đề chứng nhận và thương hiệu đối với sản phẩm thủy sản. Học phần còn đề cập đến đặc điểm của nghề cá tiếp cận tự do, khả năng cạn kiệt nguồn lợi thủy sản, và các ngoại ứng môi trường có ảnh hưởng như thế nào đến thương mại thủy sản toàn cầu.

**FIE501                      Kinh tế và quản lý nuôi trồng thủy sản                      2(2-0)**

Học phần cung cấp cho người học những lý luận về các vấn đề kinh tế - kỹ thuật- xã hội chủ yếu trong việc phát triển các vùng nuôi trồng thủy sản, phương pháp để tổ chức, quản lý và sử dụng đất đai, diện tích mặt nước trong nuôi trồng thủy sản, những kiến thức kinh tế về nuôi trồng thủy sản như: nuôi quảng canh truyền thống (nuôi sinh thái) nuôi quảng canh cải tiến, nuôi bán thâm canh, nuôi thâm canh và nuôi siêu thâm canh, các phương pháp đánh giá hiệu quả kinh tế, hiệu quả kỹ thuật và hiệu quả sinh thái, các tiêu chí để lựa chọn vùng nuôi... để học viên có thể độc lập thực hiện quá trình phân tích và viết báo cáo của một dự án kinh tế - xã hội trong nghề nuôi trồng thủy sản.

### **Chuyên ngành Kinh tế phát triển**

**ECS502                      Kinh tế phát triển                      2(2-0)**

Học phần cung cấp cho học viên những lý luận về phát triển kinh tế và vận dụng vào thực tiễn các nước đang phát triển như: khái quát những vấn đề chung về tăng trưởng và phát triển kinh tế; các vấn đề chung về tăng trưởng và phát triển kinh tế, các lý thuyết tăng trưởng Kinh tế; vốn, đầu tư và tăng trưởng kinh tế; hệ thống tài chính với phát triển kinh tế; lao động và vốn con người; những vấn đề của nông nghiệp và công nghiệp trong quá trình phát triển; ngoại thương và phát triển; nghèo đói và phát triển bền vững. Ngoài ra học phần còn nghiên cứu sự vận dụng các chính sách phát triển kinh tế của Việt Nam.

**EC541                      Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực                      2(2-0)**

Học phần cung cấp các kiến thức nâng cao về quản lý nguồn nhân lực. Học phần nghiên cứu vận dụng những học thuyết kinh tế vào lĩnh vực quản lý nguồn nhân lực; nghiên cứu các giải pháp tạo việc

làm, thu hút và tuyển chọn nhân lực; những xu hướng phân công và hiệp tác lao động nhằm nâng cao năng suất lao động; nghiên cứu xây dựng các chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; tạo động lực cho người lao động; hoạch định nguồn nhân lực và xây dựng hệ thống các chỉ tiêu đo lường đánh giá kết quả công việc và đánh giá con người.

**EC521 Kinh tế quốc tế 2(2-0)**

Học phần cung cấp cho người học lý thuyết thương mại quốc tế, các công cụ thuế quan và rào cản phi thuế, sự di chuyển lao động và vốn tư bản, cán cân thanh toán quốc tế và tài chính quốc tế.

**AF512 Phân tích và đánh giá dự án 2(2-0)**

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức nâng cao về lập, phân tích và thẩm định dự án, đặc biệt là các dự án đầu tư với mục tiêu sinh lời. Cụ thể là nội dung của dự án, quy trình lập dự án, phân tích và đánh giá tài chính của dự án theo quan điểm dòng tiền. Học viên thực hành phân tích đánh giá các dự án của các doanh nghiệp.

**ECS503 Phân tích lợi ích chi phí 2(2-0)**

Cung cấp những lý luận nền tảng chuyên sâu về phân tích kinh tế của dự án công trên cơ sở phân tích lợi ích chi phí phục vụ quá trình ra quyết định. Học phần cũng cung cấp cho người học các phương pháp nhận dạng các chi phí và lợi ích trong điều kiện thị trường cạnh tranh, thị trường bị biến dạng, các chỉ tiêu để lựa chọn dự án kinh tế... để học viên có thể độc lập thực hiện quá trình phân tích và viết báo cáo của một dự án kinh tế - xã hội. Ngoài ra môn học còn nghiên cứu sự vận dụng các vấn đề này trong chính sách phát triển kinh tế của Việt Nam.

**ECS504 Kinh tế công cộng 2(2-0)**

Học phần kinh tế công cộng cung cấp những lý luận về những nguyên lý kinh tế học trong việc phân tích hoạt động của khu vực kinh tế công cộng. Học phần nghiên cứu về vấn đề hiệu quả kinh tế, vấn đề thất bại của thị trường và các chính sách can thiệp của Chính phủ như chính sách thuế, vai trò của chính phủ trong tái phân bổ thu nhập, vấn đề lựa chọn công cộng và các công cụ chính sách của chính phủ khi can thiệp vào thị trường. Học phần còn cung cấp chuyên sâu những vấn đề về các chương trình chi tiêu công cộng.

**FIB501 Tài chính phát triển 2(2-0)**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức nâng cao về mối liên hệ giữa phát triển hệ thống tài chính và tăng trưởng kinh tế. Các công cụ, thị trường, tổ chức, thể chế, và cơ sở hạ tầng tài chính được trình bày trong mối quan hệ với quá trình quản lý kinh tế vĩ mô tác động đến quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế. Sự can thiệp của nhà nước thông qua các công cụ như áp chế tài chính, kiểm soát tiền tệ, và phân bổ tín dụng sẽ được phân tích một cách hệ thống. Ngoài ra, các vấn đề hội nhập tài chính quốc tế cũng là mục tiêu quan trọng trong học phần này.

